

Mua vào (giữ nguyên)

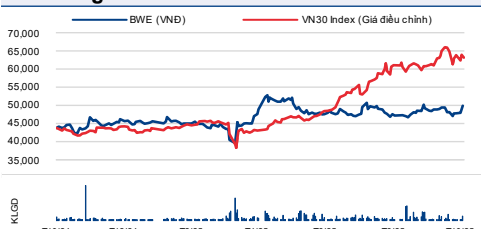
Giá mục tiêu: VNĐ60,300 (giữ nguyên)

Tiềm năng tăng/giảm: 22.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	49,400
Mã Bloomberg	BWE VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	39,600-52,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	48,838
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,864
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	413
Slg CP lưu hành (tr.đv)	220
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	108
Slg CP NN được mua (tr.đv)	86.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.90%
Tỷ lệ freefloat	30.0%
Cổ đông lớn	Nước Thủ Dầu Một (37.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	1.86	3.67	12.9
So với chỉ số	(1.43)	(12.2)	(21.8)
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch. lệch
2025F	3,570	3,066	16.5
2026F	3,511	4,780	(26.6)
2027F	3,895	7,245	(46.2)

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

BWE là công ty cấp nước lớn thứ ba Việt Nam với tổng công suất thiết kế 0,88 triệu mét khối/ngày với thị trường chính ở Bình Dương. BWE cũng tham gia kinh doanh mảng xử lý rác thải và nước thải và tích cực trong việc mua những công ty nước ở tỉnh khác

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Thanh Nhã

Chuyên Viên Phân Tích, Ngành Năng
nha.nht@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 271

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Nâng khuyến nghị lên Mua vào dựa trên KQKD Q3/2025 sát với dự báo

- Sau khi giá cổ phiếu tăng 2% trong 1 tháng qua, BWE đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,1 lần, sát với mức bình quân từ tháng 1/2023 nhưng theo quan điểm của chúng tôi, giá cổ phiếu có dư địa tăng cao nhờ có triển vọng vững chắc (lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm: 16%). Giá mục tiêu không đổi cho thấy tiềm năng tăng giá 22%. Dựa trên cơ sở này, chúng tôi nâng khuyến nghị lên Mua vào (từ Tăng tỷ trọng).
- Loại trừ các khoản mục không thường xuyên, lợi nhuận thuần Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025 của BWE đạt lần lượt 226 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) và 630 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ, hoàn thành 79% dự báo của HSC). KQKD 9 tháng đầu năm 2025 sát với dự báo.
- Chúng tôi lưu ý rằng lợi nhuận thuần vững chắc trong Q3/2025 của BWE được hỗ trợ bởi khoản chiết khấu giá nước khá lớn từ công ty chi em kiêm nhà cung cấp chính là TDM và khoản lợi nhuận tài chính 39 tỷ đồng từ việc thoái vốn tại Biwelco.

Sự kiện: Nâng khuyến nghị lên Mua vào, với tiềm năng tăng giá 22%

Sau khi giá cổ phiếu tăng 2% trong 1 tháng qua, BWE đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,1 lần, sát với mức bình quân từ tháng 1/2023 nhưng theo quan điểm của chúng tôi, giá cổ phiếu có dư địa tăng cao nhờ có triển vọng vững chắc (lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm: 16%). Giá mục tiêu không đổi của chúng tôi – được trình bày tại [đây](#) – cho thấy tiềm năng tăng giá 22%.

Chúng tôi ưa thích cổ phiếu BWE nhờ có KHKD đầy tham vọng nhưng khả thi trong việc (1) mở rộng và giải quyết tình trạng thiếu nước tại các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai và Cần Thơ, và (2) cung cấp các giải pháp cho các vấn đề về môi trường. Các rủi ro chính liên quan đến nhu cầu nước cho sản xuất công nghiệp và giá nước được điều tiết chặt chẽ.

Công bố KQKD Q3/2025: Sát với kỳ vọng của chúng tôi

Loại trừ các khoản mục không thường xuyên, lợi nhuận thuần Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025 của BWE đạt lần lượt 226 tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) và 630 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ, hoàn thành 79% dự báo của HSC). Trong khi đó, trên cơ sở lợi nhuận thuần, BWE ghi nhận lợi nhuận thuần Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025 lần lượt ở mức 264 tỷ đồng (tăng 45% so với cùng kỳ) và 715 tỷ đồng (tăng 44% so với cùng kỳ, hoàn thành 81,4% dự báo của chúng tôi). Cho đến nay, KQKD của BWE phần lớn sát với kỳ vọng của chúng tôi.

KQKD từ HĐKD cốt lõi trong Q3/2025 chủ yếu được thúc đẩy bởi áp lực giá vốn hàng bán ở mảng cấp nước chính thấp hơn, nhờ mức chiết khấu lớn 34% trong giá bán bình quân từ nhà cung cấp chính TDM xuống khoảng 4.600đ/lít từ tháng 8/2025 (như chúng tôi đã thảo luận trong báo cáo TDM gần đây "[Q3/2025: KQKD yếu, nhưng không quá xa kỳ vọng](#)"; cũng được thể hiện trong Biểu đồ 3). BWE ghi nhận sản lượng tiêu thụ nước của công ty mẹ giảm 3,2% (do mùa mưa dữ dội hơn – theo ban lãnh đạo) mà giá bán bình quân không có thay đổi đáng kể (tức là không có việc tăng giá nước ở tỉnh Bình Dương). KQKD từ HĐKD cốt lõi 9 tháng đầu năm 2025 được hỗ trợ bởi các khoản chiết khấu giá bán bình quân trước đó từ TDM (từ tháng 3/2025).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Cuối năm: Tháng 12	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBITDA ĐC (tỷ đồng)	1,525	1,686	2,060	2,217	2,425
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	674	639	878	904	992
EPS ĐC (đồng)	2,900	2,601	3,570	3,511	3,895
DPS (đồng)	1,327	43.9	1,300	1,300	1,300
BVPS (đồng)	24,891	24,263	26,956	29,765	32,976
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.38	9.97	8.31	7.79	7.11
P/E ĐC (lần)	17.0	19.0	13.8	14.1	12.7
Lợi suất cổ tức (%)	2.69	0.09	2.63	2.63	2.63
P/B (lần)	1.98	2.04	1.83	1.66	1.50
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(9.45)	(10.3)	37.3	(1.67)	10.9
ROAE (%)	14.5	12.6	15.6	14.5	14.4

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Lợi nhuận thuần của BWE trong quý còn được hỗ trợ từ khoản lợi nhuận 39 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng 27,2% cổ phần tại công ty con Biwase Long An (giảm từ 98,5% xuống 71,3%) và toàn bộ 52% cổ phần tại Biwelco, trong khi lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2025 cũng bao gồm khoản lợi nhuận 45 tỷ đồng liên quan đến dự án xử lý chất thải/nước thải.

Bảng 1: KQKD Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025, BWE

Lợi nhuận gộp tăng trưởng mạnh trong Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	903	-4%	-32%	3,153	14%	74.2%
Lợi nhuận gộp	502	27%	-1%	1,442	20%	
Thu nhập tài chính	117	121%	114%	224	93%	
Chi phí tài chính, gồm	(118)	49%	-7%	(368)	22%	
Chi phí lãi vay	(102)	44%	-6%	(291)	34%	
Lỗ tỷ giá	(4)	-158%	-80%	(62)	-7%	
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết	(3)	-120%	-103%	73	304%	
Chi phí BH&QL	(158)	-8%	-18%	(514)	10%	
Thu nhập/(chi phí) thuần khác	2	4%	-79%	16	120%	
LNTT	342	60%	1%	873	53%	
Lợi nhuận thuần	264	45%	-13%	715	44%	81.4%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	-39	N/a	N/a	-84	N/a	
Lợi nhuận thuần cốt lõi	226	24%	0%	630	27%	79.0%

Nguồn: BWE, HSC ước tính

Bảng 2: Cơ cấu lợi nhuận Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025 theo mảng kinh doanh, BWE

Mảng cấp nước là dẫn đầu tăng trưởng lợi nhuận, chủ yếu nhờ giá bán nước bình quân được TDM chiết khấu sâu

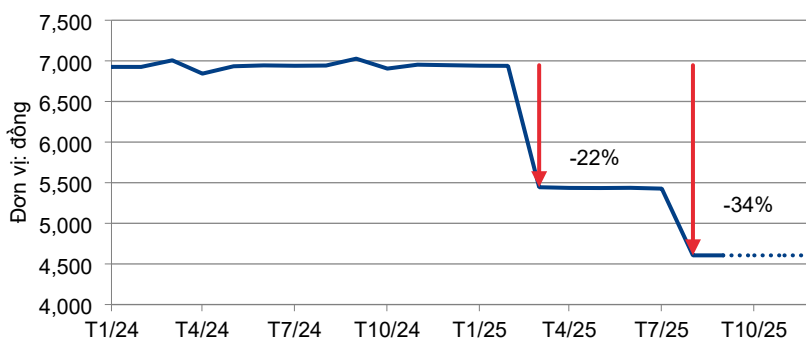
Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	903	-4%	-32%	3,153	14%
Cấp nước	689	12%	-2%	2,037	6%
Xử lý rác thải	90	-38%	-68%	439	8%
Xử lý nước thải	(0)	-194%	-100%	194	-367%
Mảng khác (*)	124	-31%	-45%	482	28%
Lợi nhuận gộp	502	27%	-1%	1,442	20%
Cấp nước	435	23%	12%	1,189	7%
Xử lý rác thải	31	342%	-24%	83	699%
Xử lý nước thải	(0)	-65%	-100%	62	-302%
Mảng khác (*)	37	9%	-17%	109	56%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	56%	+14ppt	+17ppt	46%	+2ppt
Cấp nước	63%	+6ppt	+8ppt	58%	+1ppt
Xử lý rác thải	34%	+29ppt	+20ppt	19%	+16ppt
Xử lý nước thải	N/a	N/a	N/a	32%	-10ppt
Mảng khác (*)	30%	+11ppt	+10ppt	23%	+4ppt
Tỷ suất lợi nhuận thuần	29%	+6ppt	+10ppt	23%	+5ppt

Nguồn: *mảng khác bao gồm gạch từ xử lý rác thải, vỏ chai từ nước đóng chai ...

Nguồn: HSC ước tính

Biểu đồ 3: Giá bán bình quân nước của TDM cho BWE

TDM chiết khấu giá bán nước bình quân cho BWE 34% so với năm 2024



Nguồn: HSC ước tính

Bảng 4: Tóm tắt KQKD mảng cấp nước, công ty mẹ BWE

Không có yếu tố căn bản nào thay đổi trong giá bán bình quân Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2024, do đó giá bán không tăng

	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu	582	4%	-2%	1,716	-2%
Lợi nhuận gộp	375	27%	17%	965	-4%
Sản lượng tiêu thụ	48	-10%	4%	143	-10%
Giá bán bình quân	12,016	15%	-6%	12,020	9%
Giá bán bình quân/lit	7,747	41%	12%	6,759	7%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	64%	+12ppt	+15ppt	+1ppt	-1ppt

Ghi chú: Trong 6 tháng đầu năm 2024, KQKD công ty mẹ BWE bao gồm của nhà máy nước Chơn Thành (tại Bình Phước), trong khi kết quả 6 tháng đầu năm 2025 không bao gồm; do KQKD của nhà máy nước này đã loại khỏi báo cáo hợp nhất từ Q3/2022.

Nguồn: HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,526	3,959	4,250	4,511	4,898
Lợi nhuận gộp	1,564	1,694	2,032	2,096	2,252
Chi phí BH&QL	(584)	(644)	(703)	(741)	(784)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	980	1,050	1,329	1,356	1,468
Lãi vay thuần	(268)	(362)	(274)	(270)	(276)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	43.4	43.7	(9.90)	(9.90)	(9.90)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	7.09	4.47	4.47	4.47	4.47
LNTT	762	737	1,050	1,081	1,186
Chi phí thuế TNDN	(79.9)	(76.1)	(116)	(119)	(131)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.52)	(21.7)	(56.0)	(57.7)	(63.3)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	674	639	878	904	992
Lợi nhuận thuần ĐC	559	537	785	772	857
EBITDA ĐC	1,525	1,686	2,060	2,217	2,425
EPS (đồng)	3,496	3,095	3,992	4,109	4,511
EPS ĐC (đồng)	2,900	2,601	3,570	3,511	3,895
DPS (đồng)	1,327	43.9	1,300	1,300	1,300
Sig CP bình quân (triệu đv)	193	206	220	220	220
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	193	220	220	220	220
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	193	220	220	220	220

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	655	1,007	1,111	1,085	1,278
Đầu tư ngắn hạn	265	405	425	451	490
Phải thu khách hàng	781	1,712	978	1,038	1,127
Hàng tồn kho	923	1,233	1,124	1,182	1,267
Các tài sản ngắn hạn khác	81.8	117	21.3	22.6	24.5
Tổng tài sản ngắn hạn	2,706	4,474	3,659	3,778	4,185
TSCĐ hữu hình	4,538	4,960	6,089	6,598	7,141
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,395	985	985	985	985
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,481	1,663	2,468	2,468	2,468
Tài sản dài hạn khác	2,002	2,118	2,246	2,283	2,351
Tổng tài sản dài hạn	9,416	9,726	11,788	12,335	12,945
Tổng cộng tài sản	12,122	14,200	15,447	16,112	17,131
Nợ ngắn hạn	1,433	2,463	2,878	3,015	3,165
Phải trả người bán	453	363	425	239	260
Nợ ngắn hạn khác	320	272	298	316	343
Tổng nợ ngắn hạn	2,385	3,398	3,919	3,908	4,135
Nợ dài hạn	3,997	4,480	4,480	4,480	4,480
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	11.6	17.5	8.50	9.02	9.80
Nợ dài hạn khác	764	791	935	993	1,078
Tổng nợ dài hạn	4,773	5,289	5,424	5,482	5,567
Tổng nợ phải trả	7,158	8,687	9,342	9,390	9,702
Vốn chủ sở hữu	4,802	5,336	5,928	6,546	7,252
Lợi ích cổ đông thiểu số	162	177	177	177	177
Tổng vốn chủ sở hữu	4,964	5,513	6,105	6,723	7,429
Tổng nợ phải trả và VCSH	12,122	14,200	15,447	16,112	17,131
BVPS (đ)	24,891	24,263	26,956	29,765	32,976
Nợ thuần/(tiền mặt)	4,776	5,936	6,246	6,410	6,367

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	980	1,050	1,329	1,356	1,468
Khấu hao	(546)	(636)	(731)	(861)	(957)
Lãi vay thuần	(268)	(362)	(274)	(270)	(276)
Thuế TNDN đã nộp	(71.3)	(69.6)	(129)	(119)	(130)
Thay đổi vốn lưu động	142	(1,419)	1,045	(267)	(99.4)
Khác	(181)	899	(112)	(82.7)	(88.8)
LCT thuần từ HĐKD	1,070	745	2,469	1,320	1,669
Đầu tư TS dài hạn	(1,862)	(647)	(1,861)	(1,370)	(1,500)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	651	(1,134)	(948)	(63.6)	(106)
LCT thuần từ HĐĐT	(1,212)	(1,781)	(2,809)	(1,434)	(1,606)
Cổ tức trả cho CSH	(256)	(9.65)	(286)	(286)	(286)
Thu từ phát hành CP	964	86.6	0	0	270
Tăng/giảm nợ	1,413	1,512	415	137	150
Khác	(1,600)	(201)	316	236	(4.18)
LCT thuần từ HĐTC	521	1,387	445	87.4	130
Tiền & tương đương tiền đầu kì	275	655	1,007	1,111	1,085
LCT thuần trong kỳ	380	351	105	(26.6)	193
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	655	1,007	1,111	1,085	1,278
Dòng tiền tự do	(792)	97.6	608	(50.5)	169

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.3	42.8	47.8	46.5	46.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	43.3	42.6	48.5	49.1	49.5
Tỷ suất LNT (%)	19.1	16.1	20.7	20.0	20.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	10.5	10.3	11.0	11.0	11.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	1.21	12.3	7.35	6.15	8.57
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	9.10	10.5	22.2	7.62	9.38
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(9.45)	(4.05)	46.3	(1.67)	10.9
Tăng trưởng EPS (%)	(9.21)	(11.5)	29.0	2.94	9.77
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(9.45)	(10.3)	37.3	(1.67)	10.9
Tăng trưởng DPS (%)	8.33	(96.7)	2,863	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	38.0	1.42	32.6	31.6	28.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.5	12.6	15.6	14.5	14.4
ROACE (%)	11.0	10.2	11.9	11.4	11.6
Vòng quay tài sản (lần)	0.32	0.30	0.29	0.29	0.29
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.09	0.71	1.86	0.97	1.14
Số ngày tồn kho	172	199	185	179	175
Số ngày phải thu	145	276	161	157	155
Số ngày phải trả	84.2	58.4	69.9	36.1	35.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	101	112	106	99.0	88.8
Nợ/tài sản (%)	45.3	49.3	48.0	46.9	45.1
EBIT/lãi vay (lần)	3.65	2.90	4.85	5.03	5.31
Nợ/EBITDA (lần)	3.60	4.15	3.60	3.41	3.18
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.13	1.32	0.93	0.97	1.01
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	4.06	4.24	4.03	3.83	3.52
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.38	9.97	8.31	7.79	7.11
P/E (lần)	14.1	16.0	12.4	12.0	11.0
P/E ĐC (lần)	17.0	19.0	13.8	14.1	12.7
P/B (lần)	1.98	2.04	1.83	1.66	1.50
Lợi suất cổ tức (%)	2.69	0.09	2.63	2.63	2.63

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn